

Kinh THẮNG MAN PHU NHÂN HỘI
TAM TẶNG BỒ ĐỀ LƯU CHÍ Dịch từ Phạn sang Hán
Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội 2006

Viết Dịch: Chân Hiền

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

(Thắng Man Phu Nhân hội thứ 48, dịch giả ngài Bồ Đề Lưu Chi Tr. 672-678, Chính Tân Tu Đại Tặng, Tập 11, Bảo Tích Bộ thượng, số hiệu 310, một quyển.

Kinh này chúng tôi sửa y theo bản gốc đang có, trong sách phần chánh văn in đậm, nhưng vì đưa lên mạng bị biến dạng nên chúng tôi thay đổi chữ in đậm thành Chánh văn và những chỗ in thường (tức phần chú giải) thành giải.

Riêng phần mục lục in sau sách nhưng trong nội dung quyển sách thì không có mục lục ấy mà lại theo đại ý mỗi đoạn, vì vậy, chúng tôi thêm phần mục lục đại ý mỗi đoạn giúp đọc giả dễ tìm và nắm bắt nội dung. btttdkvn)

---o0o---

Mục Lục Đại Ý

(thêm vào bởi btttdkvn)

1/ Nhân duyên phu nhân Thắng Man gặp Phật, tán thán công đức của Phật và được Phật thọ ký.

2/ Phu nhân Thắng Man phát 10 hoằng thệ và 3 đại nguyện. Hội chúng thấy điềm lành, cũng phát nguyện đời đời cùng chung hạnh nguyện với bà.

3/ Phu nhân nương thần lực của Phật nói về nghĩa quảng đại của việc nhiếp thọ chánh pháp. Qua đó nêu bày thực tướng của người nhiếp thọ chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp và chánh pháp. Hiện bày mối liên hệ mật thiết giữa nhiếp thọ chánh pháp, Đại thừa và Ba la mật. Dùng 6 độ Ba la mật xả bỏ thân, mạng và tài sản để hoàn thành đại nguyện nhiếp thọ chánh pháp

4/ Chỉ rõ 3 thứ vô minh: Vô minh trụ địa, tứ trụ địa phiền não và hiện khởi phiền não. Hiện bày 2 loại sanh tử là Biến dịch sanh tử và Phần đoạn sanh tử. Cho thấy niết bàn của La Hán và Bích Chi Phật chưa phải là niết bàn rốt ráo. Chưa chứng được chỗ rốt ráo nên tâm La Hán và Bích Chi Phật còn nhiều hạn chế, trí tuệ và công đức của chư vị không thể như Phật.

5/ Phu nhân trình bày về Như Lai Tạng, là cảnh giới thâm thâm của chư Phật. Hiện bày 2 loại thánh đế là Hữu tác thánh đế và Vô tác thánh đế, 2 loại trí là TỊNH TRÍ của Thanh văn và TRÍ TÁNH KHÔNG của chư Phật. Nêu bày thực tướng của sanh tử.

6/ Phu Nhân nêu bày 3 hạng người có khả năng thành tựu pháp thâm thâm. Phật phó chúc cho ngài A Nan và trời Đế Thích gìn giữ và truyền bá kinh này.

Thành kính tri ân

Sư ông - Hòa thượng Thích Thanh Từ

Bổn sư - Hòa thượng Thích Nhật Quang

Đã giúp chúng con đầy đủ niềm tin để hoàn thành việc dịch giải bộ kinh.

---o0o---

Chân thành cảm ơn

Chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Tăng, Ni, Cư sĩ, Học giả đã có các công trình nghiên cứu, dịch thuật giúp chúng tôi có được tài liệu cần thiết cho việc dịch giải.

Chân Hiền Tâm

---o0o---

Lời nói đầu

Kinh THẮNG MAN PHU NHÂN HỘI là bản dịch từ Phạn sang Hán của ngài Bồ đề Lưu Chí. Nội dung của kinh không khác với bản dịch Thắng Man Sư Tử Hống của ngài Cầu Na Bạt Đà La. Song khi dịch và giải, tôi chỉ có trong tay bản kinh Thắng Man Phu Nhân Hội, thành cứ y theo đó mà làm. Sau mới gặp được bản Giảng Luận của thầy Tuệ Sĩ, trong đó có đầy đủ cả hai bản tiếng Hán, nhờ đó có tài liệu để so sánh. Việc dịch giải cũng có điều kiện để hoàn thiện hơn.

Cũng như những kinh luận liễu nghĩa khác, nội dung của kinh không ngoài việc chỉ cho mọi người thấy được TÁNH PHẬT của chính mình. Người thuyết kinh là phu nhân Thắng Man, một vương phi quyền quý, trí tuệ và tràn đầy lòng bi mẫn đối với muôn loài. Bà gặp Phật, được Phật thọ ký và trình bày với Phật về lợi ích của việc nhận lãnh cũng như gìn giữ chánh pháp. Qua đó, phân tích rõ cái chung và riêng giữa Nhất thừa và Nhị thừa, giúp người tu tránh được sự lầm lạc trong vấn đề tu hành.

Văn kinh vốn đã rộng, nay có thêm phần giải thích lại càng dài hơn... Để tránh tình trạng rối ren, trước mỗi đoạn kinh, tôi tóm lược đại ý của đoạn đó thành những tiêu đề ngắn để Độc giả nắm được vấn đề được dễ dàng.

Về phần dịch thuật, bản dịch đây nhờ vào bản dịch của chư vị Tôn túc rất nhiều, song trong bản dịch vẫn có vài chỗ dịch không giống với chư vị. Như phần “Tâm tương ưng, bất tương ưng”, “Tánh không, cái chân thật ẩn tàng”, “Nhiếp thọ chánh pháp không khác chánh pháp, không khác nhiếp thọ chánh pháp” v.v... Hy vọng phần giải thích đủ để biện giải cho những sai khác đó.

Về phần giải thích, bản dịch đây chỉ tập trung giải thích phần nghĩa lý của kinh, không giải thích các ví dụ. Ý nghĩa của những ví dụ này các bạn có thể tham khảo ở những bản dịch khác, rất đầy đủ và chi tiết.

Nội bậc nhất trong toàn kinh vẫn là 3 đại nguyện và 10 hoàng thệ mà phu nhân đã phát nguyện...

Nguyện đời đời sanh được chánh pháp trí, nguyện xả thân, mạng, tài sản để bảo vệ chánh pháp, nguyện đem lại lợi ích cho muôn loài v.v... Trong hiện đời đây, những lời nguyện này có khi trở thành hờm hĩnh và làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng dù hờm hĩnh hay trò cười chãng nữa, nó luôn là thứ cần thiết cho đời sống nhân loại. Tinh thần ấy luôn là nền tảng để đạo đức và hạnh phúc được tồn tại, để mọi xấu xa đau khổ được đẩy lùi khi thế giới vật chất ngày càng tiến mạnh, con người ngày càng xa rời cội nguồn chân thật của mình, trong thế giới chỉ còn hiện diện cái tôi và những cái của tôi.

CHÁNH PHÁP không là dòng đời, không chỉ dành riêng cho những người mang màu áo đạo Phật. Vì ta hạn cuộc chánh pháp trong những hình thức tôn giáo nên chánh pháp trở thành hạn cuộc. Xả thân mạng tài sản để bảo vệ chánh pháp dường như không khác những việc làm của những tín đồ cuồng tín ở những đạo giáo khác. Song chánh pháp không hạn cuộc trong hình thức đạo Phật. Vì nó chính là TRÍ TUỆ và TÌNH THƯƠNG vô hạn đối với mọi loài chúng sanh. Không ai không có loại trí tuệ và tình thương đó dù bạn đang mang màu áo đạo giáo nào. Nhưng do cái tôi và những cái của tôi, mọi thứ trở thành hạn cuộc. Bảo vệ chánh pháp chính là phát huy khả năng vốn có đó của mình, để tình thương bằng bạc đến muôn nơi, thế giới bớt tranh tàn, đời sống đỡ tai ương hoạn nạn.

Là người tu Phật, tinh thần ấy càng phải được thắp sáng. Dù chưa thực hành được như phu nhân Thắng Man, những thệ nguyện ấy vẫn là ngọn đuốc cần có trong lòng mỗi người tu Phật, những người con đích thực của Như Lai.

Tp. HCM ngày 25.06.2005

Chân Hiền Tâm

---000---

1/ Nhân duyên phu nhân Thắng Man gặp Phật, tán thán công đức của Phật và được Phật thọ ký.

Chánh văn:

Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại thành Xá Vệ trong vườn Kỳ Thọ của ông Cấp Cô Độc. Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và phu nhân Mạt Lợi vừa chứng pháp xong, cùng nói với nhau rằng “Con gái Thắng Man của ta từ mẫn, sáng dạ, đa văn, trí tuệ. Nếu gặp được Như Lai thì đối với pháp thậm thâm, sẽ chóng lãnh ngộ không các nghi hoặc. Ta nay phải khéo chỉ bảo để nó phát lòng thành tín”. Bàn với nhau xong, vua và phu nhân liền viết

thư xưng tán công đức chân thật của Như Lai, rồi bảo sứ quân tên Chân Đề

La mang thư đến thành Vô Đẩu trao cho phu nhân Thắng Man.

Giải:

Đây là giới thiệu thân thế và căn tánh của phu nhân Thắng Man. Cũng là nêu bày lý do (01) vì sao có cuộc hội ngộ giữa bà với đức Phật.

PHU NHÂN THẮNG MAN là con gái của vua Ba Tư Nặc và phu nhân Mạt Lợi, được gả làm vương phi cho vua nước A Du Xà.

Vua BA TƯ NẶC lên ngôi sau Phật thành đạo không bao lâu. Lúc đầu ông là người bạo ác, bất tín. Sau được Phật giáo hóa nên rất kính tin Phật pháp và là vị đại ngoại hộ cho giáo đoàn của Phật ở thành Xá Vệ lúc đó. (Xá Vệ là thủ phủ của nước Kiêu Tát La). Còn phu nhân MẠT LỢI vốn là đóa tố gái. Một hôm đức Phật vào thành khát thực, do thấy tướng hảo của ngài mà sinh lòng kính tin cúng dường thức ăn để cầu hết kiếp tội đời. Nhờ công đức ấy, bà trở thành phu nhân của vua Ba Tư Nặc. Vì những nhân duyên đó mà lòng tin của bà và vua ngày càng tăng trưởng. Tức hai vị đã hưởng được mùi vị của pháp lạc, nên nói VỮA CHỨNG PHÁP XONG. (02) Cả hai đều có lòng ngưỡng mộ và tin Phật nên cả hai đều muốn con gái mình cũng vậy. Đây là nhân duyên khiến phu nhân Thắng Man gặp Phật.

Luận Đại Thừa Khởi Tín nói “Pháp của chư Phật có nhân có duyên. Nhân duyên đầy đủ thì pháp mới được thành... Chúng sanh cũng vậy. Tuy có lực huân tập của chánh nhân, nếu chẳng gặp được chư Phật, Bồ tát và các bậc thiện tri thức lấy đó làm duyên mà có thể tự đoạn phiền não, nhập niết bàn thì không thể có”.

CHÁNH NHÂN là chỉ cho chủng tử Phật pháp được huân tập trong tâm người tu. Một khi chủng nhân Phật pháp được huân tập sâu dày thì mình sẽ có cái quả là dễ lãnh ngộ Phật pháp và có tấm lòng đối với muôn người không kể là thân hay sơ. Dễ lãnh ngộ Phật pháp là biểu hiện cho sự SÁNG ĐẠ, ĐA VĂN và TRÍ TUỆ. Có tấm lòng với muôn người biểu hiện cho lòng TỪ MÃN.

TRÍ và BI là hành trang của một vị Bồ tát, là nhân duyên của việc thành Phật. Phu nhân có đủ những chủng nhân đó.

Thứ gì từng huân tập nhiều, đủ duyên sẽ phát khởi mạnh. (03) Nếu Phật pháp từng được huân tập sâu dày từ những kiếp trước, thì đối với pháp thậm thâm sẽ lãnh ngộ dễ dàng mà không còn nghi hoặc. PHÁP THẬM THÂM là chỉ cho pháp Đại thừa, Nhất thừa, pháp tánh chân như, tánh Phật trong mỗi chúng sanh v.v... Nghe “Tức tâm tức Phật”, nghe “Tâm Phật trong mỗi người chính là cội nguồn chân thật của tất cả pháp” v.v... mà tin ngay không chút nghi ngờ, đều là dạng “ĐỐI VỚI PHÁP thậm thâm sẽ chóng lãnh ngộ không các nghi hoặc”. (04)

Vua BA TƯ NẶC, phu nhân MẠT LỢI và sứ quân CHÂN ĐỀ LA là DUYÊN giúp cho phu nhân gặp Phật. Xưa, chưa có điện thoại và bưu điện, không có Chân Đề La thì thư không thể đến, nên Chân Đề La là một duyên không thể thiếu. Vì thế đây nêu ra đầy đủ. Cũng giải thích lý do vì sao phu nhân làm kệ tặng áo cho ông.

PHẬT là thiện tri thức bậc nhất trong các thiện tri thức, là duyên tối ưu trong các duyên khiến chánh nhân được phát khởi. Nhân duyên đầy đủ thì Phật đạo mới thành.

---o0o---

Chánh văn:

Thắng Man mở thư coi có việc gì. Bà vui mừng tột bậc sanh tâm thật hiếm có, rồi hướng về Chân Đề La mà nói kệ:

Giải:

Tâm không ở trạng thái bình thường mà đã có sự đổi khác nên nói SANH. Ai từng trải qua trạng thái NGỘ một câu kinh, một lời kệ hay đi nghe pháp mà gặp trúng thầy, trúng pháp (05) ... sẽ hiểu cái THẬT HIẾM CÓ nói đây. Không phải là sự hân hoan vui mừng bình thường mà còn thêm sự nhẹ nhàng, thanh thoát, rộng mở, hiền hòa, an vui ... chỉ trong Phật pháp mới có hương vị đó. Phu nhân Thắng Man vừa hưởng được sự an lạc do pháp vị mang lại (mà trước giờ chưa từng có), nên nói THẬT HIẾM CÓ.

KỆ là một dạng có âm điệu như thơ nhưng không cần vần cú và thường là 5 chữ. Sau là bài kệ.

---o0o---

Chánh văn:

Ta nghe danh Như Lai

Thế gian rất khó gặp

Lời này nếu chân thật

Phải cho ông y áo

Nếu Phật Thế Tôn kia

Lợi ích thế gian hiện

Tất vì ta, thương xót

Khiến ta thấy chân tướng.

Giải:

Phu nhân Thắng Man đọc thư xong, vui mừng hừng khởi nên ứng khẩu làm kệ. Đại ý là “Ta đã từng nghe đến tiếng tăm của Phật và cũng biết gặp được Phật không phải dễ. Song nếu ngài có công đức và hay vì lợi ích của thế gian mà hiện, đúng như trong thư đã nói, nhất định ngài sẽ thương xót mà hiện chân tướng cho ta thấy”. CHÂN TƯỚNG là chỉ cho tướng chân thật của Phật. TẤT là nhất định, chỉ cho sự đương nhiên. “Nếu ngài thật có lòng bi mẫn đối với thế gian thì nhất định ngài phải thương xót đáp ứng nhu cầu đúng đắn của ta”. Phu nhân nói với sứ quân mang thư đến như vậy. Cũng là lời thỉnh cầu gián tiếp tới đức Phật.

PHẢI CHO ÔNG Y ÁO vì không có ông lặn lội đường xa mang thư tới đây, ta không đọc được những lời quý báu này. Tuy đó là nhiệm vụ của ông, không cho ông y áo, ông cũng phải làm để giữ cái đầu, nhưng phu nhân vẫn nêu công trạng và tặng áo cho ông, biểu thị lòng biết ơn của bà đối với sứ quân.

---o0o---

Chánh văn:

Lời niệm vừa dứt thì trên hư không, Phật hiện ra với thân tướng chẳng thể nghĩ bàn. Đại quang minh chiếu khắp. Thắng Man cùng quyến thuộc thấy đều tụ lại, chấp tay chiêm ngưỡng vái Phật và xưng tán đức đại Đạo sư:

Giải:

Phật tâm trong mỗi chúng sanh vốn thanh tịnh viên minh. Một khi sống lại được với tâm Phật ấy thì mê tối hết, cái sáng tràn khắp xuất hiện. Trong những bức hình của Phật và Bồ tát, ta hay thấy ánh hào quang tỏa chung quanh, hoặc như trong kinh điển tả “Ánh sáng từ giữa 2 chặn mày của đức Như Lai” v.v... là muốn nói lên những loại QUANG MINH này. Nó là ánh sáng phát ra từ TRÍ và THÂN của Phật cùng chư vị Bồ tát. Quang minh nói đây là loại quang minh chiếu khắp pháp giới nên gọi là ĐẠI QUANG MINH.

Có 2 cách có thể thấy được thân Phật.

1. Những chúng sanh có cơ cảm với Phật. Một trong các cách để có cơ cảm với Phật là trong quá khứ đã từng tu tập niệm Phật tam muội, nên hiện đời không cần nương vào tam muội mà vẫn thấy được sắc thân Phật. Đây là chỉ cho sắc thân thô với 32 tướng tốt, là HÓA THÂN PHẬT.

2. Nương tam muội mà thấy Phật. Tức tâm phải lóng lạng thanh tịnh mới thấy được thân Phật. Nói cách khác, thân tâm phải thanh tịnh thì Phật thân mới hiện tiền. Phật thân nói đây là chỉ cho BÁO và PHÁP THÂN PHẬT.

BÁO THÂN có 2 thứ: TỰ THỌ DỤNG THÂN là báo thân viên mãn, do chư Phật trải qua vô số kiếp tu tập thiện căn mà tạo nên, khắp giáp cả pháp giới, thân và cõi chẳng lìa nhau, gọi là thật báo trang nghiêm độ. Thân này khi chưa thành Phật thì chư vị Bồ tát chỉ được nghe tên chứ không thể thấy. THA THỌ DỤNG THÂN là do cảm ứng với từng căn cơ của chúng sanh mà ứng hiện. Đây là do chư Phật muốn chư vị Bồ tát thọ đại pháp lạc, tiến tu thẳng hạnh mà tùy nghi ứng hiện. Các sự sai khác của báo thân, gọi là HÓA THÂN.

Tuy phân thành nhiều thứ báo và hóa, nhưng tất cả đều là chỗ hiện của tự tâm. Phật thì thấy từ ngoài đến nhưng thật ra đều từ tâm mà hiện. (06) Tâm Phật và Phật tâm của chúng sanh không khác. Dụng của chư Phật cũng chính

là dụng Phật tâm của chính mình. Tâm càng thanh tịnh thì mình càng dễ cảm ứng với dụng của chư Phật, cũng là sử dụng càng dễ cái dụng Phật thân của chính mình. Tâm càng thanh tịnh thì Phật thân càng vi diệu.

Phật hiện thân với sắc thân không thể nghĩ bàn cộng với lời ca ngợi của phu nhân Thắng Man ở đoạn sau “Sắc thân Như Lai vô tận, trí tuệ cũng như vậy, tất cả pháp thường trụ” thì biết Phật thân nói đây còn ám chỉ cho BÁO hoặc PHÁP THÂN PHẬT. Nghĩa là, một niệm đôn ngộ tự tâm (07) của chính phu nhân vừa bùng vỡ.

Công đức bên trong đầy đủ thì thân tướng bên ngoài trang nghiêm đẹp đẽ, có lực làm cho người đối diện phải kính ngưỡng. CHIÊM NGƯỠNG là nhìn một cách kính phục, ưa thích, không rời mắt.

Sau là những lời xưng tán đức Phật của phu nhân, được chia làm 5 đoạn, mỗi đoạn 4 câu, để dễ giải thích.

---00---

Chánh văn:

Diệu sắc thân Như Lai

Thế gian không gì bằng

Cũng không thể nghĩ bàn (08)

Cho nên con kính lễ.

Giải:

SẮC THÂN NHƯ LAI với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp ... ở thế gian không ai có được nên nói KHÔNG GÌ BẰNG. Đó là hóa thân Phật. SẮC THÂN NHƯ LAI không hình, không tướng, trùm khắp, vượt ngoài cái thấy suy tưởng của tri thức, nên nói KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN. Đó là báo và pháp thân Phật. Muốn có những sắc thân đó, phải trải qua vô số kiếp tu hành tích trữ công đức. Không có lòng nhẫn nại, ý chí trường viễn và bi nguyện rộng lớn, không thể làm được. Cho nên CON KÍNH LỄ.

---00---

Chánh văn:

Sắc Như Lai vô tận

Trí tuệ cũng như vậy

Tất cả pháp thường trụ

Cho nên con qui y.

Giải:

Không hình, không tướng, trùm khắp nên sắc thân ấy VÔ TẬN. Luận Đại Thừa Khởi Tín nói “Pháp thân ấy là thể của sắc nên hay hiện sắc. Bởi tánh của SẮC chính là TRÍ nên thể của sắc không hình, gọi là trí thân. Bởi tánh trí tức là sắc nên gọi là pháp thân khắp giáp tất cả chỗ”. (09) Vì SẮC và TRÍ vốn không hai, nên SẮC vô tận thì ... TRÍ TUỆ CŨNG NHƯ VẬY.

Hiện nay, ai cũng thấy pháp thế gian là không thường. Có rồi mất, sanh rồi tử, không có gì còn hoài. Nghĩa là, với cái thấy hiện nay của mình, các pháp là vô thường. Một khi sống được với tâm chân thật, mình sẽ có cái thấy khác, như Luận Đại Thừa Khởi Tín nói “Vì là tâm chân thật nên là tánh của các pháp. Tự thể hiển bày soi rõ hết thấy pháp hư vọng”. Nhận rõ tướng các pháp là hư vọng thì sanh hay diệt, có hay mất, ra hay vào ... thấy đều hư vọng. TUỔNG sanh diệt của pháp thì hư vọng nhưng TÁNH các pháp (là tâm chân thật) lại thường trụ, nên nói TẤT CẢ PHÁP THƯỜNG TRỤ, là chỉ cho pháp tánh hay pháp thân Như Lai bình đẳng, không tăng, không giảm, không đến, không đi, bất biến, thường trụ.

QUI là hướng về, Y là nương tựa. Đây là qui y Phật và qui y pháp. Cũng là qui y Phật và pháp tự tâm.

---o0o---

Chánh văn:

Khéo điều tâm lỗi ác

Cùng với 4 thứ thân

Đến chỗ bất tư nghi

Con nay xin kính lễ.

Giải:

TÂM LỖI ÁC là chỉ cho những tạo tác thuộc về ý, là chỉ cho ý nghiệp. 4 THÂN là chỉ cho những tạo tác về thân và miệng, tức thân và khẩu nghiệp, được gói trọn trong 4 thứ sát, đạo, dâm và vọng ngữ. ĐIỀU là điều phục, là chỉ cho việc làm chủ 3 nghiệp, không để chúng phát tán thành tội lỗi mà luân chuyển trong 6 đường. BÁT TU NGHĨ là không thể nghĩ bàn. 3 nghiệp của Phật thanh tịnh hoàn toàn thì tâm và sắc chẳng phải hai. SẮC THÂN có được từ cái chẳng phải hai với TRÍ ấy, không thể dùng tri thức phân biệt (10) hiện nay của mình mà thấy được, nên nói “Điều phục đến chỗ chẳng thể nghĩ bàn”. Trước một người như vậy, không thể nào không qui ngưỡng thán phục, nên CON NAY XIN KÍNH LỄ.

---o0o---

Chánh văn:

Biết các pháp nhĩ diệm

Trí thân vô quái ngại

Với pháp không để mất

Nên con nay kính lễ.

Giải:

NHĨ DIỆM, Kinh Lăng Già nói “Biết nhân pháp vô ngã, phiền não và nhĩ diệm, thường thanh tịnh không tướng, mà khởi tâm đại bi”. Thiền sư Hàm Thị giải thích NHĨ DIỆM là sở tri. Nhị thừa phá được phiền não chướng nhưng sở tri vi tế vẫn còn. Chỉ Phật mới thấu suốt được tận nguồn, nên nói BIẾT CÁC PHÁP NHĨ DIỆM.

TRÍ THÂN Phật như hư không, trùm khắp, không có bờ mé, là tánh của tất cả pháp nên nói “Trí thân vô quái ngại, với pháp không để mất (11)”.

Chánh văn:

Kính lễ sao cho xứng

Kính lễ không gì bằng

Kính lễ pháp tự tại

Kính lễ vượt nghĩ suy.

Giải:

KÍNH LỄ, bản chữ Hán là KHÊ THỦ, (12) là đập đầu sát đất mà lạy, biểu hiện cho sự thành kính, nên đây dịch thành kính lễ. Không có gì có thể kính lễ hơn được nữa, cũng không biết diễn tả lòng thành kính ấy thế nào, nên nói “Kính lễ sao cho xứng, kính lễ không gì bằng, kính lễ vượt nghĩ suy”.

KÍNH LỄ được lặp đi lặp lại nhiều lần, ngoài việc biểu tỏ lòng thành kính, còn nói lên lòng tha thiết của phu nhân đối với bậc Tôn sư của mình, cũng là biểu tỏ lòng tin thanh tịnh đối với tánh Phật của chính mình. Đó là điều kiện tiên quyết để bà xả thân thọ 3 đại nguyện và 10 hồng thệ sau này.

Chánh văn:

Xin thương xót hộ trì

Khiến pháp chủng tăng trưởng

Cho đến thân tối hậu

Thường ở trước Như Lai

Phước nghiệp con đã tu

Hiện nay đến cuối đời

Do lực thiện căn ấy

Nguyện Phật hằng nhiếp thọ.

Giải:

Đây là điều mong muốn của phu nhân Thắng Man. Bà mong Phật che chở và hộ trì cho đến khi bà thành Phật. Sau là giải thích vào chi tiết.

“Pháp tánh bình đẳng trong tất cả chúng sanh”. Nghĩa là, ai cũng có sẵn tánh Phật ấy. Mê nó thì làm chúng sanh. Tỉnh đó thì làm Phật và Bồ tát. TÁNH PHẬT ấy gọi là PHÁP CHỨNG.

Vì pháp Phật có cạn có sâu, nên PHÁP CHỨNG còn để chỉ cho VỐN PHẬT PHÁP được huân tập nhiều đời của người tu. Cạn, là chỉ cho phần giáo lý dạy người cách sống để người có được một đời sống an lạc hạnh phúc ở cõi trời và người. Cao dần lên là phần giáo lý của Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Tối cùng của Đại thừa chính là Nhất thừa. Sống lại được với tánh Phật của mình, chính là Nhất thừa, còn gọi là Phật thừa.

Người mà tập quen với chửi bới rồi, giờ nói ngừng không phải dễ. Tập quen với ma túy xì ke rồi, nói bỏ rất ít người bỏ được. Những thứ làm khổ mình như vậy, nói mình bỏ, mình còn thấy trần thân. Huống là nói bỏ ăn ngon, vợ đẹp, con ngoan, tiền tài, danh vọng ... là những thứ đem đến cái vui trong hiện tại cho mình. Vào đến cửa Phật rồi, nói bỏ đi cái sở trường trong Phật pháp của mình, lại càng khó hơn... Thứ gì đã thành ruột rà của mình, không có ý chí trường viễn, không có tâm quyết tử rất là khó bỏ. Đúng là đường thành Phật “Dài lâu nghiêm tuấn, cũng kỳ khu khúc khuỷu, không kém nguy nan”. (13) Bước tới hai bước, có khi lùi đến ba bước. Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng.

Lòng tha thiết của bà đối với con đường thành Phật rất lớn, nhưng bà biết nó lắm khó khăn, nên đã nguyện với đức Phật “Xin Phật hãy thương xót mà che chở hộ trì con”. Che chở HỘ TRÌ là, khi nào con quên tu thì hóa thân của chư vị sẽ nhắc cho con không quên, khi nào con làm bậy thì tạo cái duyên nhắc con đừng làm bậy v.v... Cái quả nhắc nhở gần nhất là tâm bất an. Thành ai nghĩ quấy và làm quấy mà bị quả báo liền tay là biết đang được chư Phật thương xót hộ trì rất chặt chẽ. Nguyện với đức Phật cũng chính là nguyện với tánh Phật của chính mình. Lời nguyện ấy chính là hành trang để bà đi trọn con đường mình đã chọn.

THÂN TỐI HẬU là thân cuối cùng trong cõi sanh tử như thân của A La Hán, Bích Chi Phật và Bồ tát. THÂN TỐI HẬU nói đây là cái QUẢ của việc nuôi lớn thánh thai PHẬT TÁNH, là thân tối hậu của Bồ tát chứ không phải của A La Hán, nên nói THƯỜNG Ở TRƯỚC NHƯ LAI. Tức quả Phật đã viên mãn.

Xin Phật thương xót che chở nhưng không phải theo kiểu đưa một nải chuối hay một bó nhang tới lay hối lộ rồi cầu đủ thứ còn việc thiện thì bỏ mặc. Vì

ĐA VĂN và TRÍ TUỆ nên bà hiểu, muốn có quả thì phải gieo nhân và nuôi lớn nó. Muốn được HỘ TRÌ và NHIẾP THỌ, bà phải hành thiện nghiệp, là cái nhân để có cái quả thiện. Như đứa con muốn được cha mẹ thương yêu thì phải làm vừa lòng cha mẹ bằng cách thực hiện những gì cha mẹ đã dạy. Muốn được chư Phật hộ trì nhiếp thọ, suốt đời này, bà sẽ hành thiện nghiệp, lấy đó làm thứ giữ gìn sự che chở hộ trì của chư Phật.

NHIẾP có 2 nghĩa là THU VÀO và GÌN GIỮ.

THỌ, cũng là THU VÀO hay LÃNH NHẬP.

Hình thức nào có tính cách THU VÀO GÌN GIỮ, gọi là NHIẾP THỌ. Như Thầy Trụ Trì thu nhận đệ tử và đệ tử qui thuận Thầy, việc thu nhận đó là một hình thức của nhiếp thọ.

Nghiệp thiện một khi được huân tập mạnh, không những đưa đến cảnh giới tốt đẹp vì diệu cho mình mà nó còn có lực khiến mình đi mãi trên con đường thiện. Như 5 giới của người Phật tử tại gia có giới không trộm cắp. Người giữ giới quen rồi, khi móng tâm muốn lấy của ai thứ gì thì sự sợ hãi hay mất bình yên sẽ xuất hiện. Cái tâm không yên ấy chính là động lực làm mình không trộm cắp nữa. Vì sao? Vì thiện nghiệp đang NHIẾP THỌ mình. Thiện nghiệp nhiếp thọ mình nên thứ gì là thiện thì nó thu vào giữ đó, thứ gì không phải thiện thì nó không thu vào. Không thu vào thì không đẩy đi cũng thành đẩy đi.

Tương tự, chúng A La Hán, một khi đã hưởng được cái lạc do tịnh tâm mang lại, thì cái lạc ấy chính là thứ nhiếp thọ các vị, khiến các vị không còn bị dục lạc của thế gian lôi kéo. Cũng vậy, một khi đã nếm được sâu xa pháp vị của Đại thừa thì thứ gì đúng là pháp vị Đại thừa, tâm sẽ nhiếp thọ, thứ gì không đúng là Đại thừa nó sẽ không nhiếp thọ. Vì thế, ai từng gieo trồng thiện nghiệp công đức của Đại thừa SÂU ĐẬM rồi, pháp vị của chư vị Nhị thừa không thể thu nhiếp họ được, đừng nói là những dục lạc của thế gian.

Như vậy, công đức thiện nghiệp của mình chính là lực hộ trì che chở cho mình chứ không ai khác. Tha lực của chư Phật chính là dụng Phật tâm của mình nếu mình SỐNG LẠI hoặc TÙY THUẬN được với tâm Phật ấy. Nghĩ và thực hiện những thiện nghiệp của cõi trời người, hoặc tu theo Tam thừa đều gọi là TÙY THUẬN. Cho nên, phu nhân Thắng Man tha thiết khẩn cầu sự hộ trì của Phật bằng cách lấy việc cả đời hành thiện nghiệp của mình để giữ lấy sự hộ trì của bậc Tôn sư.

---o0o---

Chánh văn:

Khi Thắng Man nói kệ xong, bà cùng quyền thuộc và hết thầy đại chúng đồng đánh lễ dưới chân Phật. Lúc ấy Thế Tôn liền vì Thắng Man mà nói kệ:

Ta xưa cầu Bồ đề

Từng khai thị cho bà

Nay bà gặp lại ta

Đời sau cũng như vậy.

Giải:

Đây là lý do vì sao chỉ vài dòng ca tụng đức Phật của cha mẹ, phu nhân đã bộc phát niềm tin thanh tịnh đối với Phật, rồi phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chánh pháp. Tiền kiếp, trong giai đoạn còn là Bồ tát cầu Phật đạo, Phật đã từng khai thị cho bà, nên nói “Ta xưa cầu Bồ đề, từng khai thị cho bà”. Bà đã từng phát tâm và từng tu tập. Vì đức Phật là người từng nhiếp thọ bà trước đây, nên kiếp này đúng cái duyên đức Phật, bà lại bị nhiếp thọ. Nói đúng hơn là được nhiếp thọ. Việc nhiếp thọ được huân tập nhiều thì bản thân nó cũng chính là lực khiến sự nhiếp thọ càng bền vững. Vì thế, kiếp này được đức Phật nhiếp thọ nữa thì chắc chắn kiếp sau bà cũng được nhiếp thọ tiếp. Nên nói “Nay bà gặp lại ta, đời sau cũng như vậy”.

Chánh văn:

Nói kệ xong, trước đại chúng, Phật thọ ký A Niệm Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề cho Thắng Man rằng “Bà nay xung tán công đức thù thắng của Như Lai, do thiện căn này, trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, ở nơi loài người và trời thường được làm vua tự tại, chỗ thọ dụng đều được đầy đủ, sanh ra chỗ nào

cũng được thấy ta như hiện nay đang xung tán ta không khác. Sẽ lại cúng dường vô lượng vô số chư Phật Thế Tôn.

Giải:

Đây là lời thọ ký của đức Phật. THỌ KÝ, nghĩa của nó tương tự như hai từ CÔNG NHẬN. Việc thọ ký này không phải Phật muốn và phán như vậy là nó ra như vậy. Chẳng qua vì Phật có cái thấy suốt từ nhân đến quả... Nhân ở quá khứ như vậy thì quả ở tương lai như vậy. Phật chỉ nói lại những gì mình đã thấy. Lời nói đó khi nào cũng đúng nên nó trở thành lời nói ẩn chứng, gọi là thọ ký.

A NIỆU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ là chỉ cho quả vị Phật. Là lúc mà ta đã sống được hoàn toàn với tâm Phật của chính mình, là lúc cái mình đây cũng không còn. Đó là cảnh giới sự sự vô ngại của thế giới Hoa Nghiêm.

Từ quá khứ cho đến hiện nay, rồi từ nay cho đến khi thành Phật, phu nhân còn phải trải qua vô lượng vô biên thân. Cõi người cũng có mà cõi trời cũng có. Song dù ở chỗ nào thì phu nhân cũng được đứng đầu thiên hạ về cái gọi là TỰ TẠI, nên nói ĐƯỢC LÀM VUA TỰ TẠI.

TỰ TẠI là không vướng mắc, không bị thứ gì ràng buộc. Muốn tự tại được thì TRÍ PHÂN BIỆT phải hết, phải có cái nhìn như huyền đối với thế giới, thân và tâm mà mình đang thọ nhận. Vì thế, đúng với ý nghĩa của từ TỰ TẠI, tức tự tại cả về thân lẫn tâm, thì phải là hạng Bồ tát Bất Động Địa, là địa thứ 8 trong 10 thánh Thập địa, mới có danh hiệu này.

Song cũng có thể dựa vào những duyên thấp hơn để có trường hợp tự tại. Hành thiện nghiệp của cõi trời người và nắm vững nhân quả mà sống, thì chưa đến được địa vị Bất Động, mình vẫn có cuộc sống khiến mình được tự tại. Như 5 giới của người tại gia chẳng hạn. Giới đầu tiên là KHÔNG SÁT SANH, nếu hạn chế được việc giết hại cả những sinh vật nhỏ thì mình sẽ tránh được bệnh tật. Còn không thì tùy mức độ sát, mà bệnh không đến nỗi quá nặng để mình không thể tự tại. Không TRỘM CẮP thì không tàn mạt đến nỗi quá bức xúc mà hết tự tại. Không TÀ DÂM thì không bị đau khổ về tình cảm gia đình, cũng là một duyên khiến mình được tự tại. Không nói nhiều, KHÔNG NHIỀU CHUYỆN thì cũng không có duyên khiến mình

phải phiền não để không tự tại v.v... Quan trọng nhất là làm sao nắm được nhân quả.

NẮM ĐƯỢC NHÂN QUẢ là biết rằng, trong thế giới đây không có gì có quả mà không có nhân. Anh bị một cái gì đó thì nhất định thứ đó phải có nguyên do, không ở kiếp này thì ở kiếp trước hay kiếp trước nữa. Một sự kiện dù tốt hay xấu thì nó luôn có cái nhân của nó. Quả xấu vì nhân ác. Quả tốt vì nhân thiện. Anh không gây nhân ăn trộm thì có lẽ rớt đồ ra đó, chúng cũng không thấy mà lượm. Còn anh đã gây cái nhân tham ô thì cát kỹ bao nhiêu, nó cũng ra cho hết. Không gây nhân xấu thì chắc chắn không có quả xấu. Còn đã gây nhân xấu thì có lo nó cũng cứ ra, thành cũng không có gì để phải lo. Nắm được nhân quả như vậy, mình sẽ có tâm bình thản với những gì xảy ra cho mình dù tốt hay xấu. Cũng không có gì lo lắng hay tính trước tính sau đối với tương lai. Cái mà mình có thể tính và làm được trong hiện tại là luôn nghĩ thiện và làm thiện. Người có được những nhân duyên đó, dù chưa đạt được địa vị Bất Động, cũng là vua tự tại ở cõi đời này.

Xét đến trường hợp của phu nhân Thắng Man. Với thiện căn và trí tuệ mà bà đang có (14) thì dù chưa đạt được địa vị Bất Động, bà vẫn cứ tự tại. Đây là lý do Phật thọ ký cho phu nhân Thắng Man trong vô số kiếp ở cõi người và trời, chỗ thọ dụng điều được đầy đủ và làm vua tự tại. **ĐẦY ĐỦ** nghĩa là không thiếu. Dư hay không thì không biết, nhưng chắc chắn là không thiếu. Cứ cái gì là nhu cầu cần thiết cho bản thân thì phu nhân đầy đủ, đủ để phu nhân có được sự tự tại về cả thân lẫn tâm.

Một điều hạnh phúc lớn lao nữa của bà là, sanh ra chỗ nào bà cũng được thấy Phật. Vì Phật là sở hiện của tự tâm nên ai không thấy là chuyện của ai, Phật có xuất hiện ở đời hay không là chuyện của Phật. Với phu nhân, khi nào bà cũng được thấy Phật. Không hóa thân thì báo thân, không báo thân thì pháp thân. Thấy **HÓA**, **BÁO** hay **PHÁP** thì cũng đều là thấy Phật. Việc thấy Phật đây cũng là cái duyên giúp phu nhân càng thêm tự tại. Sẽ không có gì để lo lắng khi thấy bên mình luôn có sự hộ trì của chư Phật. Sẽ không có gì để lo lắng khi quán sát thế giới này bằng giác tâm. Giác chính là Phật. Tâm vô quái ngại thì đương nhiên là phải tự tại.

Tất cả những quả báo tốt đẹp đó đều xuất phát từ cái nhân là **XUNG TÁN CÔNG ĐỨC** thù thắng của Như Lai. Vì sao chỉ xưng tán Như Lai mà được quả báo như thế? Vì việc xưng tán công đức Như Lai của bà phát xuất từ tâm chứ không chỉ ở miệng. Tâm bà thực sự nghĩ vậy nên miệng bà nói ra như vậy. Vì xuất phát từ tâm, nên sắc thân và trí tuệ của Như Lai chính là

mục tiêu mà bà nhắm đến. Vì xuất phát từ tâm nên bà đã làm những gì mà Như Lai đã làm. (15) Bà đã phát 13 thệ nguyện, lấy đó làm phương châm sống của mình cho đến ngày thành Phật. Cách sống đó tạo nên các công đức thiện căn khiến bà có đời sống tự tại cả về vật chất lẫn tinh thần. Thân tâm tự tại thì Phật phải hiện tiền.

Cho nên, muốn được các công đức như phu nhân Thắng Man thì phải xưng tán Phật theo kiểu mà phu nhân đã xưng tán. Xưng tán không chỉ bằng miệng mà cả bằng tâm và thân nữa. Chỉ có miệng thôi, còn hành động lại đi ngược với những gì Phật đã dạy thì việc xưng tán ấy chẳng được công đức gì, có khi trở thành phi báng Phật là đấng khác.

---o0o---

Chánh văn:

Qua hai vạn a tăng kỳ kiếp, sẽ được thành Phật hiệu là Phổ Quang Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Cõi nước Phật đó không có các đường ác và các thứ như đau thương, già, bệnh, khổ; Ngay cái tên bất thiện và ác nghiệp đạo cũng không có. Chúng sanh cõi nước đó hình sắc đoan nghiêm, đầy đủ 5 thứ cảnh vi diệu, hưởng toàn sự khoái lạc, hơn hẳn cõi Tha Hóa Tự Tại của chư thiên. Chúng sanh cõi nước đó đều qui thuận Đại thừa. Những ai học pháp Đại thừa như thế đều được sanh về đó”.

Giải:

Đây vẫn còn trong lời thọ ký của Phật. A TĂNG KỲ KIẾP là chỉ cho khoảng thời gian từ khi phát tâm tu hành đến khi thành Phật, không tính xuê với thời gian vô tận, nhưng cũng có thể là trong một đời, không nhất định. Tổ Đạt Ma dùng 3 độc tham - sân - si để ấn định cho cái vô số a tăng kỳ kiếp này. Hết 3 độc rớt ráo thì hết vô số a tăng kỳ kiếp đó. Phu nhân sẽ thành Phật với pháp hiệu là Phổ Quang Như Lai. 5 THỨ VI DIỆU là chỉ cho sự tịnh diệu trong 5 cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc. (16)

Cõi nước đó chỉ toàn người tu theo Đại thừa. Nghĩa là, ai không tu Đại thừa thì không về đó được. “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Phải có thứ gì là ĐỒNG thì mới tương khớp với nhau, mới tìm đến nhau được. Phật gọi là đồng nghiệp. Đồng nghiệp ở đây là cùng tu Đại thừa.

---o0o---

HẾT